

Số: 19

Ngày 13/5/2024

Bản tin hàng tuần  
ra ngày thứ Hai

# VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 19 xin giới thiệu các nội dung đáng chú ý sau:

➤ Từ 01/7/2024, Nghị định số 46/2024/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xâm phạm quyền đối với bí mật kinh doanh theo quy định tại Điều 127 Luật Sở hữu trí tuệ.

➤ Theo Quyết định 368/QĐ-TTg vùng Đồng bằng sông Hồng phấn đấu trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn vùng (GRDP) bình quân khoảng 9,0 - 9,5%/năm, trong đó tiểu vùng Bắc sông Hồng tăng trưởng bình quân khoảng 8,8 - 9,0%/năm, tiểu vùng Nam sông Hồng tăng trưởng bình quân khoảng 10,0 - 10,5%/năm.

➤ Công điện số 44/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương đẩy mạnh công tác tuyên truyền các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, kinh doanh và tiêu dùng thực phẩm.

➤ Thông tư 27/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tài chính tại chính quyền địa phương.

➤ Phần dự thảo chính sách: Bản tin tuần này giới thiệu dự thảo Thông tư hướng dẫn về xử lý tiền giả, tiền nghi giả trong ngân hàng và Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú.

Trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

# VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

## 1. TỪ 01/7/2024, PHẠT TỐI ĐA 100 TRIỆU ĐỒNG ĐỐI VỚI HÀNH VI XÂM PHẠM BÍ MẬT KINH DOANH

Ngày 04/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 46/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định 126/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.

Theo đó, Nghị định này sửa đổi, bổ sung quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về đại diện sở hữu công nghiệp như sau: Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi: Không thông báo các khoản, mức phí, lệ phí liên quan đến thủ tục xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp cho khách hàng; lừa dối khách hàng trong việc giao kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc ép buộc khách hàng trong việc giao kết và thực hiện hợp đồng dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.

Nghị định này quy định phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thông tin hoặc thông tin không trung thực, đầy đủ các thông báo, yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về xác lập, giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm về sở hữu công nghiệp trong thời hạn được yêu cầu cho bên được đại diện, trừ trường hợp trở

ngại khách quan, sự kiện bất khả kháng.

Các hành vi vi phạm áp dụng các biện pháp tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đối với cá nhân hoặc đình chỉ một phần hoạt động kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp đối với tổ chức vi phạm.

Ngoài ra, phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xâm phạm quyền đối với bí mật kinh doanh theo quy định tại Điều 127 Luật Sở hữu trí tuệ. Nghị định có hiệu lực thi hành từ 01/7/2024.

## 2. VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG PHẤN ĐÁU GRDP BÌNH QUÂN KHOẢNG 9,0-9,5%/NĂM

Ngày 04/5/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 368/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Vùng đồng bằng sông Hồng, gồm 11 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình và Quảng Ninh.

Theo đó, mục tiêu đến năm 2050, đồng bằng sông Hồng là vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái, thu nhập cao; là trung tâm kinh tế, tài chính lớn mang tầm khu vực và thế giới; trung tâm hàng đầu của cả nước về văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng

tao, kinh tế số, xã hội số, y tế và chăm sóc sức khoẻ Nhân dân.

Đồng bằng sông Hồng phấn đấu trong kỳ quy hoạch đến năm 2030 đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn vùng (GRDP) bình quân khoảng 9,0 - 9,5%/năm, trong đó tiểu vùng Bắc sông Hồng tăng trưởng bình quân khoảng 8,8 - 9,0%/năm, tiểu vùng Nam sông Hồng tăng trưởng bình quân khoảng 10,0 - 10,5%/năm.

Tập trung xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp, thúc đẩy hoạt động chuyên gia công nghệ. Hình thành các cụm liên kết ngành về đổi mới sáng tạo, liên kết các tổ chức khoa học công nghệ, trường đại học, viện nghiên cứu, quỹ đầu tư mạo hiểm với các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 04/5/2024.

### **3. QUY HOẠCH VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC THỜI KỲ 2021-2030**

Ngày 04/5/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 369/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Vùng trung du và miền núi phía Bắc, gồm 14 tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Sơn La, Điện Biên và Hoà Bình.

Theo đó, các mục tiêu cụ thể của Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030 như sau: Về phát triển kinh tế: GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt 8,5 - 9,0%/năm; Quy mô kinh tế vùng đạt khoảng 2.100 nghìn tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt trên 140 triệu đồng/người/năm; về phát triển xã hội, HDI đạt trên 0,75; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65 - 70%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%...

Về bảo vệ môi trường: Tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 54 - 55%; tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 95 - 100%, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn là 93 - 95%...

Để đạt được các mục tiêu trên, Chính phủ đề ra các phương hướng phát triển và phân bổ không gian phát triển cho các ngành, lĩnh vực có lợi thế của vùng: Tập trung phát triển công nghiệp vùng theo hướng ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường; tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp hàng hóa, sản xuất an toàn, hữu cơ, xanh, sạch, đặc sản, tuần hoàn, hiệu quả cao, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu...

Phương hướng phát triển hệ thống đô thị, khu vực nông thôn, các khu chức năng và vùng sản xuất tập trung: Phát triển hệ thống đô thị bền vững, gắn với bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, bản sắc và giá trị truyền thống của các dân tộc; tập trung đầu tư phát triển các đô thị trung tâm để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vùng và

tăng cường kết nối với các đô thị trong vùng đồng bằng sông Hồng với khu vực biên giới; đẩy mạnh thực hiện hiệu quả công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới cấp thôn, bản...

Các giải pháp và nguồn lực thực hiện Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030 bao gồm: Xây dựng cơ chế, thể chế liên kết nội vùng, liên vùng và hợp tác quốc tế đủ mạnh, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả; tăng cường vai trò của các địa phương trong Hội đồng điều phối vùng, bảo đảm liên kết vùng xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của các địa phương; thí điểm, xây dựng, triển khai một số cơ chế, chính sách đặc thù như cơ chế, chính sách về chuyển đổi các diện tích rừng, cơ chế đặc thù hỗ trợ các địa phương có nhiệm vụ giữ gìn an ninh biên giới, an ninh nguồn nước, an ninh năng lượng, bảo vệ và giữ rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn...

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 04/5/2023.

#### **4. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÙNG BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG ĐẾN NĂM 2030**

Ngày 04/05/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 376/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, gồm 14 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên,

Khánh Hoà, Ninh Thuận và Bình Thuận. Theo đó, các mục tiêu cụ thể của Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung đến năm 2030 như sau:

Về kinh tế, phần đầu GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 165 triệu đồng; phát triển hệ thống đô thị bền vững với tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 48%...

Về Văn hóa xã hội, chỉ số HDI đạt cao hơn mức trung bình cả nước; tốc độ tăng dân số bình quân khoảng 0,9%/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo 75 - 85%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35-40%...

Về môi trường, duy trì tỷ lệ che phủ rừng ổn định, ở mức 54%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%...

Các phương hướng phát triển như sau: Phát triển và phân bổ không gian các ngành có lợi thế của vùng: Nâng tỷ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp vào GRDP của vùng đạt khoảng 25-35%; tập trung phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn theo 03 khu vực động lực phát triển du lịch quốc gia; nâng tỷ trọng đóng góp kinh tế biết lên khoảng 50% GRDP của vùng...

Phương án phát triển, sắp xếp, lựa chọn và phân bổ nguồn lực phát triển trên lãnh thổ vùng: Định hướng phát triển các tiểu vùng kinh tế và liên kết vùng; phát triển các hành lang kinh tế: Hành lang kinh tế Bắc - Nam; hành lang kinh tế Đông - Tây; bảo tồn, bảo vệ nghiêm ngặt và mở rộng hệ thống các khu bảo tồn thiên

nhiên, khu bảo tồn đặc dụng, khu bảo tồn biển và ven biển...

Các giải pháp được đề ra để thực hiện Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung gồm: Giải pháp về cơ chế, chính sách bảo đảm liên kết vùng; giải pháp về huy động vốn đầu tư; giải pháp về phát triển nguồn nhân lực; giải pháp về bảo vệ môi trường, khoa học và công nghệ; giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn; giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 04/05/2024.

## **5. PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Ngày 07/5/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 381/QĐ-TTg Phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tại Quyết định này cắt giảm, đơn giản hóa một số thủ tục hành chính sau:

Đối với hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại cắt giảm 02 thủ tục hành chính:

Thủ tục hành chính 1: Chấp thuận mua, bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn của ngân hàng thương mại (mã TTHC: 2.000690). Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bãi bỏ việc cổ đông lớn phải thực hiện thủ tục chấp

thuận mua, bán, chuyển nhượng cổ phần.

Thủ tục hành chính 2: Tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại (mã TTHC: 1.000394). Nội dung cắt giảm: Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo hướng điện tử hóa mẫu văn bản của ngân hàng thương mại đề nghị chấm dứt hoạt động chi nhánh, đồng thời bổ sung quy định tiếp nhận hồ sơ theo hình thức trực tuyến và cấp văn bản chấp thuận đề nghị tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh ở trong nước của ngân hàng thương mại dạng điện tử.

Đối với hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng phi ngân hàng, bãi bỏ thủ tục chấp thuận mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn và bên mua, bên nhận chuyển nhượng dự kiến là cổ đông thường; mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường của tổ chức tín dụng phi ngân hàng (mã TTHC: 1.002797). Lý do, giúp cắt giảm thủ tục hành chính, cắt giảm thời gian, chi phí, tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện; đồng thời, việc bãi bỏ phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

Đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Hợp tác xã, bãi bỏ thủ tục Chuyển đổi quỹ tín dụng nhân dân Trung ương và Cấp giấy phép thành lập ngân hàng hợp tác xã (mã TTHC: 1.002154). Lý do, Ngân hàng Hợp tác xã là ngân hàng của tất cả quỹ tín dụng nhân dân, do các quỹ tín dụng nhân dân và một số pháp

nhân khác góp vốn thành lập nhằm mục tiêu chủ yếu là liên kết hệ thống, hỗ trợ tài chính, điều hòa vốn trong hệ thống quỹ tín dụng nhân dân. Đến nay, ngân hàng Hợp tác xã đã được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ quỹ tín dụng nhân dân Trung ương và là ngân hàng duy nhất của các quỹ tín dụng nhân dân. Do vậy, chỉ có duy nhất Ngân hàng Hợp tác xã hiện nay và sẽ không thực hiện cấp phép thành lập mới Ngân hàng Hợp tác xã nữa.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 07/5/2024.

## **6. TTXVN ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN, KINH DOANH VÀ TIÊU DÙNG THỰC PHẨM**

Ngày 03/5/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 44/CD-TTg ngày 03/5/2024 Về việc ngăn ngừa, xử lý ngộ độc thực phẩm. Đề công tác quản lý an toàn thực phẩm đạt hiệu quả, ngăn ngừa ngộ độc thực phẩm Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

Bộ Y tế chỉ đạo đẩy mạnh việc thông tin, tuyên truyền về nguy cơ ngộ độc thực phẩm và phòng ngừa ngộ độc thực phẩm, nhất là tại các điểm, khu du lịch, nhà ăn tập thể của trường học, khu công nghiệp, thức ăn đường phố... thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc thực phẩm, thu hồi và xử lý đối với thực phẩm không bảo đảm an toàn theo đúng quy định; tăng cường kiểm tra việc chấp hành pháp luật về

an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định.

Các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương thực hiện đầy đủ trách nhiệm phối hợp với Bộ Y tế điều tra nguyên nhân và chủ trì trong việc truy xuất nguồn gốc và xử lý thực phẩm gây ngộ độc thuộc lĩnh vực được phân công quản lý theo đúng quy định của Luật An toàn thực phẩm và phân công của Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn; có biện pháp phù hợp nâng cao năng, lực, hiệu quả, hiệu lực quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống, an toàn thực phẩm tại các chợ trên địa bàn và các đối tượng theo phân cấp quản lý; thường xuyên tổ chức đánh giá nguy cơ mất an toàn thực phẩm và triển khai các biện pháp cần thiết nhằm ngăn ngừa ngộ độc thực phẩm; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm trên địa bàn quản lý.

Bộ Thông tin và Truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương đẩy mạnh công tác tuyên truyền các biện pháp bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, kinh doanh và tiêu dùng thực phẩm.

## VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

### 7. CÁC CÔNG VIỆC PHẢI ĐỊNH KỲ CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC CỦA NGÀNH TÀI CHÍNH

Ngày 03/5/2024, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 27/2024/TT-BTC quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tài chính tại chính quyền địa phương.

Cụ thể, danh mục công việc thuộc lĩnh vực tài chính phải định kỳ chuyển đổi vị trí công tác gồm có: Phân bổ ngân sách; Kế toán, Kế toán trưởng; mua sắm công; thẩm định, kiểm tra và quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; thẩm định, định giá trong đấu giá.

Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác là từ đủ 02 năm đến 05 năm đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc (không bao gồm thời gian tập sự của công chức, viên chức).

Định kỳ hằng năm, cấp ủy và người đứng đầu cơ quan phải ban hành, công khai kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác; kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, trường hợp cụ thể phải chuyển đổi vị trí công tác, thời gian thực hiện chuyển đổi, quyền, nghĩa vụ của người phải chuyển đổi vị trí công tác và biện pháp tổ chức thực hiện.

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 17/6/2024.

### 8. BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUY ĐỊNH HỒ SƠ CÔNG NHẬN VĂN BẰNG DO CƠ SỞ GIÁO DỤC NƯỚC NGOÀI CẤP

Ngày 02/5/2024, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư 07/2024/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung Điều 7 và thay thế Phụ lục II, Phụ lục III của Thông tư 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam.

Theo đó, hồ sơ công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam bao gồm: Bản sao văn bằng hoặc bản sao từ sổ gốc cấp văn bằng đề nghị công nhận kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt; bản sao phụ lục văn bằng hoặc bảng kết quả học tập kèm theo bản công chứng dịch sang tiếng Việt; bản sao công chứng văn bằng, chứng chỉ có liên quan trực tiếp; minh chứng thời gian học ở nước ngoài (nếu có): Quyết định cử đi học và tiếp nhận của đơn vị quản lý lao động; hộ chiếu, các trang thị thực có visa, dấu xuất nhập cảnh phù hợp với thời gian du học hoặc giấy tờ minh chứng khác; văn bản ủy quyền xác minh thông tin về văn bằng (nếu đơn vị xác thực yêu cầu).

Việc tải hồ sơ lên cổng dịch vụ công trực tuyến như sau: Trường hợp người đề nghị công nhận văn bằng có thông tin, minh chứng để xác thực trực tiếp từ cơ sở giáo dục

cấp bằng hoặc cơ quan có thẩm quyền xác thực thì cung cấp thông tin, minh chứng để xác thực trực tiếp cho cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng đồng thời tải lên cổng dịch vụ công trực tuyến: bản quét (scan) các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 7 (không cần chứng thực bản sao điện tử từ bản chính); chứng thực bản sao điện tử từ bản chính các thành phần hồ sơ quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 7.

Trường hợp người đề nghị công nhận văn bằng không có thông tin, minh chứng để xác thực trực tiếp thì thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính các hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 7, kèm theo văn bản ủy quyền xác minh thông tin về văn bằng (nếu đơn vị xác thực yêu cầu) và tải lên cổng dịch vụ công trực tuyến.

Trường hợp không tải hồ sơ lên cổng dịch vụ công trực tuyến, người đề nghị công nhận văn bằng nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng các hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 7.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 02/11/2024.

## **9. BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG BAN HÀNH BỘ TIÊU CHÍ VỀ YÊU CẦU AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG CƠ BẢN CHO CAMERA GIÁM SÁT**

Ngày 07/5/2024, Bộ Thông tin và truyền thông ban hành Quyết định số 724/QĐ-BTTTT Ban hành Bộ tiêu chí về yêu cầu an toàn thông tin mạng cơ bản cho camera giám sát.

Tài liệu này đưa ra và khuyến nghị áp dụng các yêu cầu kỹ thuật an toàn thông tin mạng cơ bản cho thiết bị camera giám sát sử dụng giao thức mạng.

Khuyến nghị áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến hoạt động nghiên cứu, phát triển, sản xuất, đánh giá, lựa chọn và sử dụng thiết bị camera.

Trạng thái hoạt động của thiết bị camera bao gồm thông số, tùy chọn, chức năng đã được khởi tạo, thiết lập mặc định trước theo thiết kế của nhà sản xuất. Chế độ này được kích hoạt ngay sau khi thiết bị camera được lắp đặt và khởi động lần đầu tiên.

Chức năng của thiết bị camera cho phép thu thập dữ liệu về môi trường xung quanh. Giao diện vật lý của thiết bị camera được sử dụng để truy cập vào các chức năng của thiết bị thông qua kết nối mạng. Cổng vật lý hoặc giao diện kết nối vô tuyến của thiết bị camera cho phép giao tiếp với thiết bị camera thông qua kết nối vật lý.

Mật khẩu được thiết lập khi người sử dụng truy cập lần đầu tiên vào thiết bị. Mật khẩu được thiết lập mặc định khi thiết bị được sản xuất.

Các thông tin bí mật của thiết bị camera dùng để bảo vệ thông tin hoặc quản lý truy cập, cấu hình thiết bị. Các thông tin công khai của thiết bị camera có thể cung cấp để phục vụ kết nối, quản trị và sử dụng thiết bị camera. Thông số bảo mật thuộc một trong hai loại là thông số bảo mật bí mật và thông số bảo mật công khai.



Thiết bị camera và các dịch vụ liên kết có tối thiểu tính năng cho phép thiết lập, cấu hình địa điểm tại Việt Nam đối với việc xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu (như: trên thẻ nhớ/thiết bị ngoại vi, dịch vụ điện

toán đám mây đặt tại Việt Nam...) nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 07/5/2024.

## VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

### 1. DỰ THẢO HƯỚNG DẪN VIỆC THU GIỮ TIỀN GIẢ

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lấy ý kiến Nhân dân đối với dự thảo Thông tư hướng dẫn về xử lý tiền giả, tiền nghi giả trong ngân hàng.

Thông tư gồm 3 Chương với 18 Điều hướng dẫn việc thu giữ tiền giả; tạm thu giữ tiền nghi giả; giám định tiền giả, tiền nghi giả; đóng dấu, bầm lỗ tiền giả; đóng gói, giao nhận, bảo quản, vận chuyển và tiêu hủy tiền giả trong ngành ngân hàng.

Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ngân hàng Nhà nước chi nhánh), Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch), tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài khi phát hiện tiền giả trong giao dịch tiền mặt với khách hàng phải thu giữ theo quy định tại Điều 5 Thông tư này; khi phát hiện tiền nghi giả phải tạm thu giữ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này, không trả lại tiền giả, tiền nghi giả cho khách hàng. Người làm công tác thu giữ tiền giả, tạm thu giữ tiền nghi giả phải được tập huấn kỹ năng nhận biết tiền thật, tiền giả hoặc bồi dưỡng về nghiệp vụ giám định tiền. Người làm công tác giám định tiền giả, tiền nghi giả của Ngân hàng

Nhà nước phải được bồi dưỡng về nghiệp vụ giám định tiền.

Bên cạnh đó, dự thảo hướng dẫn trong giao dịch tiền mặt với khách hàng, khi phát hiện tiền nghi giả, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Sở Giao dịch, tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng Nước ngoài phải tạm thu giữ và lập biên bản theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 87/2023/NĐ-CP ngày 08/12/2023 của Chính phủ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tạm thu giữ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải chuyển tiền nghi giả, văn bản đề nghị giám định theo quy định và bản sao biên bản tạm thu giữ tiền nghi giả đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trên địa bàn hoặc Sở giao dịch để giám định.

### 2. ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ THÔNG TIN CƯ TRÚ

Nhằm quy định cụ thể về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với việc khai báo thông tin về cư trú, điều chỉnh thông tin nơi ở hiện tại cho công dân theo hướng đơn giản hóa; Bộ Công an đã xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Cư trú (thay thế Nghị định số 62/2021/NĐ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú).

Theo dự thảo, nơi cư trú của người sinh sống, người làm nghề lưu động trên tàu, thuyền hoặc phương tiện khác có khả năng di chuyển, được dùng để ở (sau đây gọi chung là phương tiện) là nơi đăng ký phương tiện hoặc nơi phương tiện thường xuyên đậu, đỗ trừ trường hợp đã đăng ký nơi cư trú khác theo quy định của Luật Cư trú.

Trường hợp, nơi đăng ký phương tiện không trùng với nơi thường xuyên đậu, đỗ thì nơi cư trú là nơi phương tiện thường xuyên đậu đỗ. Nơi thường xuyên đậu, đỗ của phương tiện là địa điểm thực tế được phép đậu, đỗ mà phương tiện đó đậu, đỗ nhiều nhất trong 12 tháng liên tục do chủ phương tiện tự xác định và đã đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã tại nơi phương tiện đó đậu, đỗ.

Đối với người không có nơi thường trú, nơi tạm trú phải khai báo ngay thông tin về cư trú với cơ quan đăng ký cư trú tại nơi ở hiện tại. Trường hợp đã có nơi thường trú nhưng nơi thực tế sinh sống chưa đủ điều kiện để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thì khai báo thông tin về nơi ở hiện tại với cơ quan đăng ký cư trú nơi đang thực tế sinh sống để cập nhật thông tin nơi ở hiện tại vào Cơ sở dữ liệu về cư trú. Trường hợp qua kiểm tra, rà soát, cơ quan đăng ký cư trú phát hiện người thuộc trường hợp phải khai báo thông tin về cư trú thì có trách nhiệm hướng dẫn và yêu cầu công dân đó thực hiện việc khai báo.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký cư trú yêu cầu công

dân khai báo thông tin về cư trú, công dân phải có trách nhiệm đến cơ quan đăng ký cư trú để thực hiện khai báo. Việc khai báo thông tin về cư trú được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến qua dịch vụ công, ứng dụng định danh và xác thực điện tử nếu công dân đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Hồ sơ khai báo thông tin về cư trú gồm Tờ khai thay đổi thông tin về cư trú và giấy tờ, tài liệu khác (nếu có).

Trường hợp, người khai báo thông tin về cư trú không có giấy tờ tùy thân, Cơ quan đăng ký cư trú phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra, xác minh thông tin nhân thân của người khai báo. Trường hợp qua kiểm tra, xác minh mà xác định thông tin người khai báo thông tin về cư trú đã khai báo là chưa chính xác thì cơ quan đăng ký cư trú có văn bản từ chối tiếp nhận khai báo thông tin về cư trú và đề nghị người đó khai báo lại để kiểm tra, xác minh theo quy định (trừ trường hợp thông tin người khai báo lại đúng với kết quả đã xác minh trước đó). Thời hạn kiểm tra, xác minh lại được tính như thời hạn kiểm tra, xác minh lần đầu. Qua kiểm tra, xác minh nếu có căn cứ xác định người đến khai báo là công dân Việt Nam và thông tin mà người đó khai báo là chính xác thì cơ quan đăng ký cư trú tiến hành cập nhật thông tin người đó vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định để đề nghị cơ quan quản lý căn cước Bộ Công an xác lập, cấp số định danh cá nhân. Cơ quan đăng ký cư trú cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú cho công dân theo quy định.

*Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào giấy xác nhận thông tin về cư trú của công dân và thông tin của công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tiến hành việc cập nhật thông tin về hộ tịch và cấp giấy tờ liên quan đến nhân thân cho công dân theo thẩm quyền. Người đã được cấp giấy xác nhận thông tin về cư trú có trách nhiệm đăng ký thường trú hoặc*

*tạm trú ngay khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Cư trú; trường hợp vẫn chưa đủ điều kiện đăng ký thường trú, tạm trú nhưng có thay đổi về thông tin nhân thân thì phải khai báo lại với Công an cấp xã nơi đã cấp giấy xác nhận để rà soát, cập nhật thông tin về nhân thân vào Cơ sở dữ liệu về cư trú và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư...*

## **GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT**

**1. Hỏi:** *Nhiệm vụ của biên tập viên hạng III lĩnh vực báo chí?*

**Trả lời:** Theo khoản 1 Điều 6 Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 26/8/2022 quy định nhiệm vụ của biên tập viên hạng III lĩnh vực báo chí như sau:

- Khai thác, tổ chức các nguồn tư liệu, tài liệu, tin, bài, đề tài, kịch bản, tác phẩm văn học theo định hướng, kế hoạch đã được phê duyệt;

- Nhận xét, biên tập nhằm nâng cao chất lượng tư tưởng, nghệ thuật, khoa học; chịu trách nhiệm về nội dung bản thảo;

- Chọn, viết tin, bài, lời nói đầu, giới thiệu chuyên Mục do mình phụ trách;

- Thuyết minh về chủ đề tư tưởng, chỉ dẫn các yêu cầu trình bày kỹ thuật, mỹ thuật; theo dõi quá trình dàn dựng, sản xuất;

- Chuẩn bị nội dung tuyên truyền, quảng bá, quảng cáo, tập hợp, phân tích ý kiến, dư luận của người xem, người đọc, người nghe, người phê bình về nội dung và hình thức các tác phẩm, bài viết do mình biên tập.

**2. Hỏi:** *Nhiệm vụ của biên tập viên hạng II lĩnh vực báo chí?*

**Trả lời:** Căn cứ khoản 1 Điều 5 Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 26/8/2022 quy định nhiệm vụ của biên tập viên hạng II lĩnh vực báo chí như sau:

- Khai thác, chủ trì tổ chức khai thác các nguồn tư liệu, tài liệu, tin, bài, đề tài, kịch bản, tác phẩm văn học theo định hướng, kế hoạch đã được phê duyệt;

- Nhận xét, tuyển chọn, biên tập nhằm nâng cao chất lượng tư tưởng, nghệ thuật, khoa học; chịu trách nhiệm về nội dung bản thảo;

- Viết và tổ chức viết tin, bài, lời nói đầu, lời tựa, bài phê bình, giới thiệu chuyên Mục do mình phụ trách;

- Thuyết minh về chủ đề tư tưởng, chỉ dẫn các yêu cầu trình bày kỹ thuật, mỹ thuật; theo dõi quá trình dàn dựng, sản xuất;

- Viết nội dung tuyên truyền, quảng bá, tập hợp, phân tích ý kiến, dư luận của người xem, người đọc, người nghe, người phê bình về nội

dung và hình thức các tác phẩm, bài viết thuộc lĩnh vực được phân công, đề xuất biện pháp xử lý;

- Tổng kết chuyên môn nghiệp vụ; xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức hướng dẫn nghiệp vụ cho biên tập viên hạng thấp hơn.

**3. Hỏi:** *Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng lên biên tập viên hạng II ?*

**Trả lời:** Theo khoản 5 Điều 5 Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 26/8/2022 quy định yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng lên biên tập viên hạng II như sau:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm (đủ 108 tháng, không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng III hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia biên tập ít nhất 01 (một) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ngành, cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc tham gia viết chuyên đề trong ít nhất 01 (một) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành từ cấp cơ sở trở lên đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

**4. Hỏi:** *Yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng lên biên tập viên hạng I ?*

**Trả lời:** Theo khoản 5 Điều 4 Thông tư số 13/2022/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 26/8/2022 quy định yêu cầu đối với viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng lên biên tập viên hạng I như sau:

- Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm (đủ 72 tháng). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp biên tập viên hạng II hoặc tương đương đã chủ trì hoặc tham gia biên tập ít nhất 02 (hai) tác phẩm đạt giải thưởng cấp bộ, ngành hoặc tương đương trở lên hoặc giải thưởng do cơ quan Đảng ở Trung ương, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Hội nhà báo Việt Nam tổ chức; hoặc chủ trì hoặc tham gia ít nhất 02 (hai) đề tài, chương trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành cấp bộ, cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu./.